

CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER Ở NAM BỘ VỚI PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ GIỮ GÌN BẢN SẮC TÔN GIÁO

Tóm tắt: Bài viết khái quát một số phong trào tiêu biểu có sự tham gia của các vị Chư tăng Khmer cùng với Phật tử và các dân tộc sinh sống trên vùng đất Nam Bộ trong công cuộc đấu tranh bảo vệ dân tộc, tôn giáo và Tổ quốc. Do xã hội truyền thống của người Khmer là sự kết hợp giữa tổ chức tự quản của cộng đồng với sự tham gia của nhà chùa nên nhiệm vụ thực hiện mục tiêu là của cả cộng đồng dân tộc Khmer. Dù vậy, tác giả cố gắng tách hai nội dung nhằm thấy rõ sự đóng góp của cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer (PGNTK) đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đồng thời, nêu bật những hoạt động giữ gìn bản sắc tôn giáo của PGNTK ở Việt Nam.

Từ khóa: Phật giáo Nam tông; bản sắc; người Khmer; yêu nước; Nam Bộ.

1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1861, khi chiếm được 3 tỉnh Đông Nam Bộ, thực dân Pháp đã triệt phá tất cả các chùa chiền, nhất là các chùa có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng người Khmer thì họ ráo riết tìm mọi cách để xóa bỏ. Ngoài việc phá hoại chùa chiền, thực dân Pháp còn gây sức ép đối với Chư tăng và Phật tử Khmer bằng cách bắt các vị phải đi lính và đóng thuế thân... Mọi sinh hoạt tôn giáo thông thường bị kiểm soát chặt chẽ và gắt gao làm cho Phật tử chán nản bỏ đạo.

Đến khi chiếm nốt 3 tỉnh Tây Nam Bộ (1867), thực dân Pháp cấm các chùa không được dạy chữ Khmer, chữ Pali, thay vào đó là bắt buộc các vị Chư tăng phải học tiếng Pháp. Tuy nhiên, các vị vẫn âm

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 6/7/2018; Ngày biên tập: 11/7/2018; Ngày duyệt đăng: 18/7/2018.

thâm dạy chữ Khmer và Pali trong các chùa cho con em người Khmer. Nhận thấy việc ngăn cấm không thành, thực dân Pháp mở thêm các trường dạy tiếng Pháp nhưng hầu hết chỉ có con em của những gia đình Khmer giàu có mới tham gia học nên mỗi tỉnh chỉ được một vài trường, còn ở các trường dạy tiếng Khmer và Pali do các vị Chư tăng đảm nhận thì phát triển rất mạnh, điều này đã giúp cho văn hóa Khmer nói chung, PGNTK nói riêng có bước phát triển mạnh.

Đầu thế kỷ XX, thực hiện chế độ “duy trì xã hội nguyên trạng”, tiếp tục thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc để phòng ngừa cuộc nổi dậy của nông dân, thực dân Pháp khuyến khích thỉnh kinh Phật và các vị Chư tăng từ Campuchia về làm trụ trì tại các chùa Khmer vùng ĐBSCL, đồng thời cũng đề cao các vị tướng thời nhà Nguyễn để kích động lòng hận thù và chia rẽ dân tộc. Năm 1940, thực dân Pháp mở thêm chi nhánh của Viện Phật học Phnôm Pênh tại Sóc Trăng để nắm bắt tình hình và quản lý việc tu hành ở các chùa Khmer trong vùng. Trong suốt quá trình cai trị, các chùa Khmer đều được đặt dưới quyền của Giáo hội Phật giáo Campuchia nên tất cả các hoạt động Phật sự, như: xuất gia, xây cất, sửa chữa chùa, tấn phong giáo phẩm... đều do Vua Sãi Campuchia toàn quyền quyết định.

Giai đoạn 1954-1963, Chính quyền Sài Gòn tiếp tục thực hiện chủ trương xóa bỏ các lớp *Miên ngữ*, cấm tất cả các chùa dạy chữ Pali. Ngô Đình Diệm đề cao Công giáo, thực hiện chính sách bài trừ các tôn giáo khác, trong đó có chính sách cưỡng bức dân tộc và đồng hóa PGNTK, nhưng các vị Chư tăng vẫn âm thầm dạy chữ Khmer và Pali cho con em dân tộc mình. Đến năm 1965, Chính quyền Sài Gòn chuyển sang thực hiện chiến lược “hòa đồng để tiến”, nghĩa là Chính quyền Sài Gòn cho mở nhiều trường tiểu học, trung học Pali, giúp đỡ tiền bạc để xây dựng và tu sửa chùa, in ấn kinh sách,... nhưng thực chất các trường này là những trường đào tạo tay sai và vẫn tiếp tục cho người thâm nhập vào các chùa và trong đồng bào Khmer lôi kéo, kích động gây chia rẽ tình đoàn kết dân tộc. Trong thời kỳ Nguyễn Văn Thiệu, nhiều chùa Khmer trong vùng kháng chiến bị bắn phá, Chư tăng bị bắt đi lính, một số chùa biến thành căn cứ quân sự, làm nơi đóng quân và đàn áp các cuộc biểu tình,... Nhà cầm quyền duy trì

hệ phái Theravada mà họ đã thành lập trước đó, đồng thời hình thành mới hệ phái Khemaranikay để phục vụ mục đích chính trị. Nhằm hạn chế sự phát triển của PGNTK, Chính quyền Sài Gòn đã dùng nhiều thủ đoạn thâm độc để từng bước làm mất vai trò, ảnh hưởng của tôn giáo này đối với cộng đồng người Khmer, như: gài mìn xung quanh chùa, kiểm tra chặt chẽ việc ra vào chùa của các vị Chư tăng và Phật tử. Bên cạnh đó, thực hiện chính sách tâm lý chiến trong cộng đồng người Khmer, chúng còn lợi dụng, lôi kéo, xúi dục những người Khmer nhe dạ, cả tin chống lại phong trào giải phóng dân tộc; du nhập những tệ nạn xã hội, như: hút cần sa, ma túy, cờ bạc, rượu chè... làm cho thanh thiếu niên tha hóa, xa dần các phong tục tập quán của dân tộc, chạy theo lối sống cá nhân không nghĩ đến lợi ích chung của đất nước.

2. Đóng góp của cộng đồng Phật giáo Nam tông Khmer trong phong trào giải phóng dân tộc

Trước họa mất nước cuối thế kỷ XIX, nhiều phong trào yêu nước đã hình thành ở Nam Bộ với những liên minh Việt - Khmer chống Pháp, như ở Miền Đông năm 1864 có liên minh Trương Quyền - Pu Kumpô (nhà sư Pu Kumpô bị thương nặng trong cuộc chiến đấu và bị Pháp bắt, qua đời ngày 3/12/1867 tại Kompong Thom¹. Ở tỉnh Cửu Long có liên minh Lý Rọt - Đề Triều. Dọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia có liên minh của Thiện Hộ Dương và Hoàng thân Acha Xoa, liên minh Nguyễn Hữu Huân và Thạch Bướm (Thạch Pút), v.v... Sau Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp trở lại cướp nước ta một lần nữa, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để giữ gìn non sông Tổ quốc, mà cũng để giữ gìn quyền tôn giáo tự do,... Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp...”², nhất là khi Mặt trận Việt Minh được thành lập (19/5/1941), với nội dung chương trình cứu nước: “làm cho nước Việt Nam hoàn toàn được độc lập, nhân dân được sung sướng, tự do”, các vị Chư tăng và đồng bào Khmer đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với mục tiêu “Tổ quốc có độc lập thì tôn giáo mới được tự do”.

Thời kỳ Pháp thuộc, mặc dù PGNTK được ưu ái, được miễn mọi sắc thuế nhưng mọi hoạt động của PGNTK đều do chính quyền thuộc địa sắp đặt. Các vị Chư tăng và Phật tử Khmer cũng đã thấy rõ ý đồ từ các chính sách này của thực dân Pháp nên không dễ bị mua chuộc. Khi được giác ngộ cách mạng, các vị đã nhanh chóng đi theo ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục đoàn kết với các dân tộc anh em cùng đấu tranh giải phóng dân tộc và đã đạt được nhiều thắng lợi to lớn.

Với tinh thần đoàn kết, hòa hợp và tinh thần yêu nước của PGNTK, năm 1954, nhiều chùa Khmer và cơ sở cách mạng tiễn đưa con em người Khmer tập kết ra Bắc. Ví dụ, vùng Bạc Liêu - Cà Mau: “ngày 08/02/1955, tại chùa Tam Hiệp, xã Trần Hợi, Đại đức Thạch Kên đã làm lễ tiễn đưa năm nhà sư (Danh Chương, Châu Ngọc Ảnh, Sơn Vạn Na Ri, Lý Xô, Trần Trí) và trên 100 con em người Khmer (trong đó có bà Đào Thị Sóc, chiến sĩ thi đua nông nghiệp Nam Bộ mang theo bốn người con là Kim Thưng, Kim Xuân, Kim Mạnh, Kim Giỏi) tập kết ra Bắc”³. Nhiều vị Chư tăng Khmer đã thoát ly ra vùng giải phóng để lãnh đạo và huy động đoàn kết thực hiện trách nhiệm tham gia cứu nước, giải phóng dân tộc. Có thể điểm qua một số phong trào đấu tranh tiêu biểu có sự tham gia của các vị Chư tăng và đồng bào các dân tộc đang sinh sống trên vùng đất Nam Bộ như sau:

Tháng 5/1961, tại xã Trí Hải (Thới Bình, Cà Mau), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Tây được thành lập. “Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Tây có sức thu hút mạnh mẽ lôi cuốn đông đảo đồng bào và sư sãi Khmer tham gia. Sau đó, Mặt trận Sư sãi yêu nước khu Tây Nam Bộ ra đời. Năm 1962, Mặt trận tổ chức các cuộc mít tinh với quy mô lớn gây tiếng vang, thu hút đông đảo các tầng lớp đồng bào... tỏ rõ thái độ dứt khoát, rõ ràng đứng về phía cách mạng, chống lại quân cướp nước, bán nước của Mỹ-Diệm”⁴.

Tại An Giang, “ngày 30/5/1966, hơn 1.200 đồng bào Châu Đốc, trong đó có 1.000 nhà sư và đồng bào dân tộc Khmer ở Xà Lon, Mãn Ro, Rào Rơ kéo đến ngụy quyền quận đấu tranh tố cáo giặc Mỹ rải chất độc hóa học”⁵. Trên địa bàn huyện Trà Cú (Trà Vinh), ngày 7/12/1967, có “trên 40.000 sư sãi, đồng bào Khmer và Việt biểu tình chống Mỹ và chính quyền Thiệu. Đoàn người đã giương cao hàng ngàn cờ Mặt trận

giải phóng, hàng trăm băng và khẩu hiệu kéo qua trên 80 đồn bót, đòi địch phải thả những người bị bắt, phải bỏ lệnh bắt lính trong sư sãi, đòi bồi thường sinh mạng...”⁶. Đặc biệt, “ngày 7/2/1971, Đại hội đoàn kết chống Mỹ và tay sai tại tỉnh Trà Vinh diễn ra tại chùa Trà Khúc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Đến dự Đại hội có 9.000 đồng bào, trong đó có 1.000 sư của 63 ngôi chùa trong tỉnh”⁷.

Tại Rạch Giá (Kiên Giang), “ngày 10/6/1974, dưới sự vận động và dẫn đầu của các vị cao tăng lãnh đạo Hội Sư sãi Yêu nước đã có trên 2.000 sư sãi, Phật tử Khmer và đồng bào Kinh - Hoa tham gia biểu tình. Điều đau xót và cũng rất tự hào là trong cuộc biểu tình bảo vệ Phật pháp, bảo vệ chính nghĩa này đã có bốn vị sư anh dũng hy sinh. Đó là các vị hòa thượng (Lâm Hùng, Danh Hoi, Danh Táp, Danh Hom) cùng với 16 vị khác bị trọng thương”⁸. Bên cạnh đó, “ở Châu Thành (Cửu Long) trên 63.000 đồng bào Việt, Khmer cùng gia đình binh sĩ tham gia vây đồn bót địch. Đồng bào, sư sãi dùng gậy gộc, trống mõ truy lùng tàn quân để bắt tù binh và thu vũ khí. Năm 1974, trong một buổi lễ dâng bông tại chùa Mới (Tri Tân) thị xã Trà Vinh, trên 10.000 sư sãi, đồng bào Khmer, và Việt Nam tham gia mít tinh tố cáo địch phá hoại Hiệp định Paris và đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức Tổng thống. Địch đưa 300 cảnh sát bao vây chùa, đàn áp, nhưng sư sãi, đồng bào Khmer và Việt tham gia cuộc biểu tình mỗi lúc thêm đông. Trước sức mạnh và khí thế cao của quần chúng, địch phải chấp nhận kiến nghị”⁹.

Trong 4 ngày: “từ ngày 26/2 đến 01/3/1975, hàng vạn nhà sư và đồng bào Trà Vinh đấu tranh quyết liệt chống chính quyền Nguyễn Văn Thiệu khủng bố và bắt lính. Địch đàn áp dã man đoàn biểu tình làm chết ba nhà sư và làm bị thương 20 vị khác. Bất chấp khủng bố, ngày 1/3/1975, gần 3.000 sư sãi người Việt gốc Khmer lại xuống đường kéo vào thị xã Trà Vinh đòi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu chấm dứt việc vây ráp chùa, bắt sư sãi đi lính, đòi trả tự do cho 154 sư sãi bị bắt từ 17/2/1975”¹⁰, và những ngày cuối tháng 4/1975, “ở vùng đồng bào Khmer cư trú đã diễn ra nhiều cuộc biểu tình với đông đảo đồng bào, sư sãi tham gia làm áp lực chính trị, nổi trống mõ, đốt lửa uy hiếp địch”¹¹.

Bên cạnh đó, Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước (cấp khu, tỉnh, huyện) đã công khai kêu gọi tập hợp các tầng lớp Chư tăng và Phật tử Khmer có xu hướng chính trị khác nhau kể cả binh lính, công chức nguy quân, nguy quyền nêu cao lòng yêu nước, đoàn kết chống xâm phạm tự do tín ngưỡng, xâm phạm chùa chiền, đòi hòa bình trung lập, độc lập dân tộc. Kết quả hoạt động của Hội đã làm chuyển biến, phân hóa nhiều lực lượng địch. Số Chư tăng ở các chùa vùng tạm chiếm thân chính quyền Mỹ - Nguy dần chuyển sang trung lập. Một bộ phận khác trung lập đã theo cách mạng tạo thành khối đoàn kết tiến hành các cuộc biểu tình lớn nhỏ khắp các tỉnh chống lại chính quyền Sài Gòn với các hình thức từ thấp đến cao, góp phần tích cực vào chiến thắng 30/4/1975.

Tóm lại, bên cạnh nét đẹp văn hóa - giáo dục, tính đoàn kết hòa hợp, PGNTK còn có những nét đẹp đáng quý, đáng trân trọng đó là *tinh thần yêu nước* được thể hiện rất rõ các cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột, áp bức, đồng hóa dân tộc qua các thời kỳ lịch sử. Nhiều vị Chư tăng Khmer đã lãnh đạo và huy động đoàn kết thực hiện trách nhiệm tham gia cứu nước, giải phóng dân tộc. Điển hình như: Hòa thượng Tăng Phổ (tức Trần Phổ), Hòa thượng Tăng Hô, Hòa thượng Tăng Nê (Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam Bộ), Hòa thượng Sơn Vọng (Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới và là cố vấn Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng khu Tây Nam Bộ). Qua tổng kết hai cuộc chiến tranh, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, “toàn vùng hiện có 92 bà mẹ Việt Nam anh hùng, 11 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 2.863 liệt sĩ, 1.029 thương binh là người dân tộc Khmer và hàng chục ngàn gia đình Khmer có công với nước”¹², trong đó, (tính đến năm 2003): “toàn vùng có 47 chùa Khmer có thành tích kháng chiến, 11 liệt sĩ là chư tăng Khmer”¹³. Với những thành quả đạt được, “Phật giáo Tiểu thừa Khmer đã được Trung ương cục miền Nam tặng 2 Huân chương Giải phóng vì đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đó là vinh dự lớn lao mà chưa một tôn giáo nào có được hân hạnh đó”¹⁴.

Nhìn chung, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành

nhiều tổ chức cách mạng trong vùng đồng bào Khmer, như: Hội Cao Miên tự do, Hội Issarak, Ban Miên vận, Ban Khmer vận, Ban Sãi vận, Mặt trận Sur sãi yêu nước, Hội Đoàn kết Sur sãi yêu nước, Bộ đội Issarak. Qua các sự kiện lịch sử như đã nêu cho thấy, các vị Chư tăng và Phật tử Khmer đã kiên cường tham gia phong trào đấu tranh bảo vệ dân tộc, bảo vệ tôn giáo, bảo vệ Tổ quốc góp phần chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Nhiều ngôi chùa Khmer được mệnh danh là chùa Mặt trận vì đông đảo Chư tăng trẻ tuổi tự nguyện lên đường tham gia chiến đấu giải phóng dân tộc, nhiều chùa là nơi che giấu cán bộ. Nhiều vị Chư tăng đã thoát ly và trở thành cán bộ chỉ huy quân sự giỏi hoặc lãnh đạo các cơ quan Dân, Chính, Đảng, như: Maha Sơn Thông, Maha Huỳnh Cương, Sơn Ngọc Minh, Thạch Mẹnre, Thạch Tụm, Trần Lai, Achar Sabút, Lui Sarát, Trịnh Thới Cang,...

Kết quả hoạt động trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước của PGNTK được tác giả Nguyễn Mạnh Cường và Nguyễn Minh Ngọc đánh giá: “Phật giáo Nam tông Khmer đã tích cực trong sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, luôn sát cánh cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến và trực tiếp tham gia chiến đấu cho đến ngày toàn thắng. Phật giáo Khmer cũng đã làm rạng ngời truyền thống đoàn kết chống lại ngoại xâm của các dân tộc anh em trên đất nước ta”¹⁵.

3. Hoạt động góp phần duy trì bản sắc Phật giáo Nam tông Khmer

Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn yêu cầu Chư tăng PGNTK sinh hoạt tôn giáo theo kiểu Phật giáo Bắc tông, đặt tên chùa bằng tiếng Việt. Chính sách này của nhà Nguyễn không chỉ tạo mâu thuẫn trong PGNTK với quan chức nhà Nguyễn mà còn làm cho mâu thuẫn lan rộng trong cả hai dân tộc Việt - Khmer gây nên những cảnh đổ máu giữa hai dân tộc. Phản ứng lại chính sách của nhà Nguyễn, các vị Chư tăng và Phật tử Khmer đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc đấu tranh của Chao Vai Cui (Sơn Cui). Tuy bị thất bại nhưng ông đã xin một ân huệ với triều đình là đổi mạng sống của mình để dân tộc được giữ gìn bản sắc văn hóa của mình, trong đó có Phật giáo Nam tông Khmer với sắc thái tôn giáo biệt truyền của dân tộc¹⁶.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, “từ năm 1945 về trước tất cả hoạt động đạo sự đều xin phép Vua Sãi ở Campuchia, có sự giúp đỡ của Hoàng gia Campuchia, nhất là khi “Liên đoàn cải thiện tinh thần, đức trí và thể lực của người Cao Miên ở Nam Kỳ” được thành lập tại Sóc Trăng (1940) và “Phân bộ địa phương của Viện Phật học ở Nam Kỳ” được thành lập tại Sóc Trăng (1943)”¹⁷, nên PGNTK có điều kiện phục hồi và có bước phát triển. Tuy nhiên, khi chính quyền Sài Gòn đề cao Công giáo, thực hiện chính sách bài trừ các tôn giáo khác, trong đó có chính sách cưỡng bức dân tộc và đồng hóa PGNTK thì tất cả các trường chùa Khmer không được dạy học; sách báo, kinh kệ không được mang từ Campuchia sang Việt Nam và lập ra hệ phái Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) buộc các chi phái PGNTK phục tùng theo làm cho Chư tăng PGNTK càng hướng về cách mạng một cách mạnh mẽ hơn.

Đến thời kỳ Nguyễn Văn Thiệu thì nhiều chùa trong vùng kháng chiến bị bắn phá, chư tăng bị bắt đi lính, lấy một số chùa làm căn cứ quân sự, làm nơi đóng quân; duy trì hệ phái Theravada mà chúng đã thành lập trước đó; đồng thời hình thành mới hệ phái Khemaranikai để phục vụ lợi ích chính trị. Trong thời kỳ này, nhiều vị chư tăng và đồng bào Khmer đã anh dũng hy sinh và bị bắt tù đầy dẫn đến nhiều cuộc biểu tình lớn của đồng bào Khmer; nhằm xoa dịu tình hình, chính quyền Sài Gòn cho thành lập trường dạy Phạn ngữ để các vị Chư tăng học tập, bồi thường và tặng bằng hiện vật cho một số chùa bị ném bom hoặc bị bắn phá, giúp xây dựng, sửa chữa lại một số chùa tiêu biểu, chấp thuận hoãn quân dịch cho tu sĩ trong độ tuổi quân dịch, cho truyền đạo trên đài phát thanh Ba Xuyên (sau này là Đài Phát thanh Cần Thơ),....

Từ năm 1960, khi quan hệ giữa Việt Nam Cộng hòa và Vương quốc Campuchia bị cắt đứt, sự trợ giúp của Vua Sãi và Chính phủ Hoàng gia Campuchia không còn, các tổ chức Mekon tại một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì để hoạt động Tăng sự được hanh thông cho đến năm 1975¹⁸. Từ năm 1971 đến 1973, “lực lượng thanh niên Khmer, Việt, Hoa vào chùa tu rất đông. Các chùa lớn có trên 500 vị sư, cá biệt có chùa lên đến 1.000 sư; tiêu biểu như chùa Cra Săng, chùa Đơm Om Pơl (Vĩnh Châu), chùa ChamPa, chùa

Khleang (Sóc Trăng), chùa Munirāngsây (Cần Thơ). Riêng tỉnh Trà Vinh trong toàn tỉnh có đến 13.000 vị sư tu ở các chùa”¹⁹.

Sau khi nước Việt Nam được độc lập thống nhất, tháng 9/1979, nhận lời đề nghị của Nhà nước và Ban Tôn giáo Campuchia, Nhà nước và Ban Tôn giáo Việt Nam đã tổ chức một Phái đoàn truyền giới phục hồi tăng tướng cho Phật giáo Campuchia, có sự tham gia của 04 vị Đại đức PGNTK (trước khi gia nhập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đối với PGNTK thì danh xưng Đại đức là bậc giáo phẩm cao nhất, không có bậc Thượng tọa, Hòa thượng như Phật giáo Bắc tông) và 01 vị Achar gồm: “Danh Dĩnh, Danh Bận, Danh Diệm, Danh Âm và Danh Ôn”²⁰, phục hồi tăng chúng cho 07 vị Chư tăng ở Campuchia. Đến nay đất nước chùa tháp này đã có trên 4.500 ngôi chùa và hơn 50.000 nhà sư²¹.

Năm 1981, các vị cao tăng đại diện Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ, đại diện cho PGNTK tham gia Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Kể từ đó đến nay, PGNTK trở thành 01 trong 09 hệ phái thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng sinh hoạt trong “ngôi nhà chung”, cùng đóng góp cho đạo và đời, tất cả vì “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội”. Ngay từ khi thành lập GHPGVN, nhiều giáo phẩm cao cấp Hệ phái Nam tông Khmer được Hội nghị suy tôn, suy cử vào Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, giữ các cương vị Phó Pháp chủ, Phó Chủ tịch,... Mặt khác, để điều hành Phật sự, các vị cao tăng, giáo phẩm Khmer đã tham gia vào tổ chức GHPGVN các cấp ngày càng tăng qua các nhiệm kỳ.

GHPGVN được thành lập, đánh dấu một mốc son, bước phát triển mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. GHPGVN hình thành trên nguyên tắc đảm bảo thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức nhưng vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp. Trải qua 36 năm hội nhập trong ngôi nhà chung GHPGVN, PGNTK đã tự khẳng định vị thế, sự phát triển của mình trong khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đóng góp vai trò không nhỏ của mình vào thành tựu của Phật giáo Việt Nam.

Kết luận

Trên cơ sở xác định người Khmer là tộc người trong 54 thành phần dân tộc Việt Nam, có nhiều công lao trong công cuộc cải tạo, phát triển và bảo vệ vùng đất Nam Bộ, qua các thời kỳ lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức rõ vai trò to lớn của khối đại đoàn kết các dân tộc đối với sự thành bại của cách mạng. Do đó, chủ trương, chính sách đối với các dân tộc thiểu số nói chung, dân tộc Khmer nói riêng đã được Đảng và Nhà nước cụ thể hóa và được thể hiện rõ nét. Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam ngày 20/12/1962 về đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong vùng đồng bào dân tộc Khome²²; Chỉ thị 117-CT/TW ngày 29/9/1981; Chỉ thị 68-CT/TW ngày 18/4/1991, sau là Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư TW Đảng về *công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*; cùng với việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về *công tác dân tộc*, Nghị quyết số 25-NQ/TW về *công tác tôn giáo* đã giúp cho cộng đồng người Khmer từng bước phát triển. Tuy nhiên, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, cộng đồng người Khmer vẫn còn đối mặt với những khó khăn thách thức: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có nơi còn yếu kém, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ, sức cạnh tranh thấp; đời sống của một bộ phận dân còn gặp khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào Khmer còn cao; mặt bằng dân trí còn thấp so với các vùng miền trong cả nước; việc quan tâm xây dựng hệ thống chính trị trong vùng đồng bào Khmer chưa đúng mức.

Để tiếp phát huy vai trò xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc và những đóng góp tích cực trong việc bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; tạo điều kiện cho cộng đồng người Khmer nói chung, PGNTK nói riêng gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam thì các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể cần nhìn nhận và đánh giá “công tác Khmer vận”, “công tác Sãi vận” qua cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc một cách sâu sắc. Song song với đó, tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sâu sát việc triển khai thực hiện và đưa các chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, gắn với công tác tôn giáo thực sự đi vào cuộc sống để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người Khmer ở Nam Bộ. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 244.
- 2 *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 544, 534.
- 3 Trần Thanh Liêm (2014), “Đóng góp của PGNTK tỉnh Cà Mau trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tháng 6, tr. 48.
- 4 Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ (2000 -2001), Chuyên đề “Truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 -1975)”, Cần Thơ, tr. 55.
- 5 Nguyễn Đại Đồng (2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 32.
- 6 Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 263-264.
- 7 Nguyễn Đại Đồng (6/2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 33.
- 8 Ban Dân vận Trung ương (2014), “Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp”, Tài liệu Tọa đàm, Cần Thơ, tr. 31.
- 9 Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 269.
- 10 Nguyễn Đại Đồng (2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tr. 33.
- 11 Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 271.
- 12 Ban Dân vận Trung ương (2006), Báo cáo “Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”, tr. 1.
- 13 Nguyễn Hùng Khu (2008), *Hôn nhân và gia đình người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 238.
- 14 Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông, tr. 131.
- 15 Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Sđd, tr. 131-132.
- 16 Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ thực hiện (1999-2000), Chuyên đề *Vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Cần Thơ, tr. 38.

- 17 Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ thực hiện (1999-2000), Chuyên đề *Vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Cần Thơ, tr. 15.
- 18 HT. Thích Thiện Nhơn, (10/2016) “Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển*, tổ chức tại Kiên Giang, tr. 8.
- 19 Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ thực hiện (2000 -2001), Chuyên đề *Truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 -1975)*, Cần Thơ, tr. 63.
- 20 Phan Thị Yến Tuyết, “Mối quan hệ xuyên biên giới giữa Phật giáo Nam tông ở Nam Bộ và Phật giáo Nam tông ở Campuchia trong vấn đề hội nhập khu vực và phát triển bền vững”, trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: *Quan hệ dân tộc ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế* do Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức vào ngày 28/10/2017 tại Tp. Hồ Chí Minh, tr. 189.
- 21 Nguyễn Sĩ Tuấn, *Từ điển Lịch sử và văn hóa Campuchia*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, tr. 7.
- 22 Trịnh Nhu (2008), *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Kỳ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 419.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dân vận Trung ương (2006), Báo cáo “Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer”.
2. Ban Dân vận Trung ương (2014), “Tổ chức và hoạt động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước trong Phật giáo Nam tông Khmer - Thực trạng và giải pháp”, Tài liệu Tọa đàm, Cần Thơ.
3. Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ thực hiện (1999-2000), Chuyên đề *Vai trò của chùa đối với đời sống văn hóa của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Cần Thơ.
4. Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ (2000 -2001), Chuyên đề “Truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 -1975)”, Cần Thơ.
5. Nguyễn Mạnh Cường - Nguyễn Minh Ngọc (2004), *Tôn giáo - Tín ngưỡng của các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Phương Đông.
6. Nguyễn Đại Đồng (2014), “Phật giáo Nam tông Khmer trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang.
7. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
8. Nguyễn Hùng Khu (2008), *Hôn nhân và gia đình người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Trần Thanh Liêm (2014), “Đóng góp của PGNTK tỉnh Cà Mau trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kiên Giang, tháng 6.
10. Trịnh Nhu (2008), *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Kỳ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

11. HT. Thích Thiện Nhơn, (10/2016) “Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển*, tổ chức tại Kiên Giang.
12. Nguyễn Sĩ Tuấn, *Từ điển Lịch sử và văn hóa Campuchia*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
13. Phan Thị Yến Tuyết, “Mối quan hệ xuyên biên giới giữa Phật giáo Nam tông ở Nam Bộ và Phật giáo Nam tông ở Campuchia trong vấn đề hội nhập khu vực và phát triển bền vững”, trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: *Quan hệ dân tộc ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế* do Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ tổ chức vào ngày 28/10/2017 tại Tp. Hồ Chí Minh.
14. Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (1991), *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

THE COMMUNITY OF THERAVADA BUDDHISM OF THE KHMER IN THE SOUTH VIETNAM DURING THE NATIONAL LIBERATION MOVEMENT AND RELIGIOUS IDENTITY PRESERVATION

Bach Thanh Sang

Ho Chi Minh National Academy of Politics

This paper generalizes about some typical movements involved the Khmer monks along with the Buddhists in the South (Nam Bộ) Vietnam in the struggle for religious and national defense. Because of the Khmer traditional society combined by the community's self-governing with the participation of the Buddhist monks, realization of the goal is the mission of the whole Khmer community. However, the author tried to separate the two contents in order to shed a light on the contributions of the Khmer Theravada Buddhist community to the struggle for national liberation, as well as, the activities to preserve the religious identity of the Khmer Theravada Buddhism in Vietnam.

Keywords: Khmer Theravada Buddhism; identity; Khmer people; patriotism; Nam Bộ.